TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2017/DS-ST
Ngày: 27-12-2017
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trương Văn Khắc
Ông Quách Hà Vính
***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Văn Thịnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2017/TLST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2017 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2017/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Anh Trịnh Đức T; sinh năm: 1979; cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T: Chị Trịnh Thị Hồng T; sinh năm: 1981; cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá (Văn bản uỷ quyền ngày 07 tháng 09 năm 2017).

2. Chị Trịnh Thị Hồng T; sinh năm: 1981; cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn M; sinh năm: 1975; cư trú tại: Trung tâm 4, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà có mặt chị T, vắng mặt anh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2017 và tại bản tự khai ngày 07/9/2017, chị Trịnh Thị Hồng T trình bày: Ngày 21/4/2017, anh Lê Văn M có vay của vợ chồng chị số tiền là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng), hẹn đến ngày 21/5/2017 sẽ trả hết số tiền vay trên. Đến nay, chị đã hỏi rất nhiều lần nhưng anh M không trả cho chị đồng nào. Nay chị yêu cầu Toà án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết buộc anh M phải trả cho vợ chồng chị số tiền đã vay là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng), chị không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình nộp đơn khởi kiện, anh T và chị T có giao nộp cho Toà án bản gốc Giấy vay tiền ngày 21/4/2017, có chữ ký của anh Lê Văn M.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Lê Văn M để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của anh T, chị T nhưng anh M không có mặt nên không có lời khai của anh M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Trịnh Đức T và chị Trịnh Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu anh Lê Văn M trả số tiền đã vay nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Lê Văn M không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh M theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS. Anh M đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh M đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS. Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ anh M lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh M vẫn không có mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt anh M.

Anh Trịnh Đức T và chị Trịnh Thị Hồng T có giao nộp cho Toà án 01 giấy do anh Lê Văn M viết với nội dung "Tên tôi là Lê Văn M: trung tâm 4, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hoá có vay của vợ chồng T T Kim Tân với số tiền là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) vào ngày 21/4/2017. Tôi hẹn vợ chồng T T là ngày 21/5/2017 sẽ trả số tiền trên", bên dưới có chữ ký của anh M. Đây là bản chính do chính anh M viết có nội dung rõ ràng, có số tiền cụ thể được viết cả bằng số và bằng chữ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 95 BLTTDS được coi là chứng cứ.

[3] Về nội dung: Trong giấy vay tiền anh Lê Văn M có ghi vay của anh T, chị T số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) vào ngày 21/4/2017, hẹn đến ngày 21/5/2017 sẽ trả số tiền trên, anh M đã ký vào trong giấy vay tiền. Như vậy việc vay tiền là có thực, nội dung của hợp đồng không trái pháp luật, được thể hiện bằng văn bản. Đây là hợp đồng hợp pháp được chấp nhận.

Về số tiền anh M phải trả cho anh T, chị T: Anh T, chị T chỉ yêu cầu anh M trả số tiền gốc là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng), không yêu cầu trả lãi. Yêu cầu của anh T, chị T là đúng pháp luật. Nghĩ nên căn cứ Điều 463; khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự (sau đây viết tắt là BLDS) chấp nhận yêu cầu của anh T, chị T.

[4] Về án phí: Do anh M phải trả toàn bộ số tiền anh T, chị T yêu cầu nên phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí anh T, chị T đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành sẽ được trả lại cho anh T, chị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463; khoản 1 Điều 466 BLDS; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chấp nhận yêu cầu của anh Trịnh Đức T, chị Trịnh Thị Hồng T: Buộc anh Lê Văn M phải trả cho anh Trịnh Đức T, chị Trịnh Thị Hồng T số tiền là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng).

Từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh T, chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, hàng tháng anh Minh còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Anh Lê Văn M phải chịu 4.500.000đ (Bằng chữ: Bốn triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho anh Trịnh Đức T, chị Trịnh Thị Hồng T số tiền 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2013/04246 ngày 31/8/2017.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị T, vắng mặt anh M. Chị T, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh M có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cúc